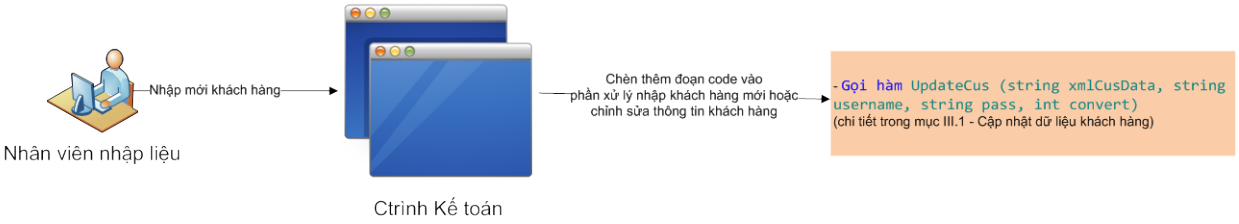
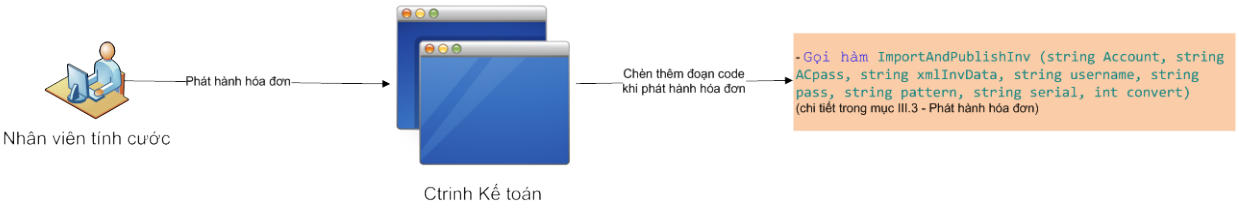
TÀI LIỆU MÔ TẢ WEBSERVICE HĐĐT

I. Mô hình tích hợp:

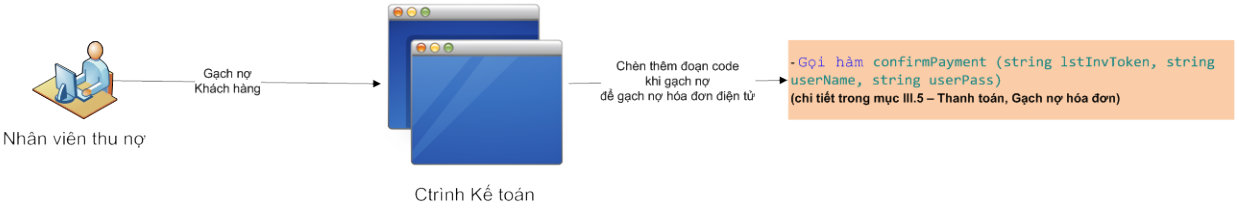
1. Thủ tục Cập nhật khách hàng



2. Thủ tục Phát hành hóa đơn



3. Thủ tục Thanh toán gạch nợ



- Ghi chú: Các tham số sau VNPT sẽ cung cấp ngay khi VNPT dựng xong portal cho khách hàng:

- **Account/ACPass**: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn.
- **username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **pattern**, **serial**: Mẫu số và ký hiệu hóa đơn (VNPT sẽ tạo pattern, serial mẫu hỗ trợ cho việc tích hợp kiểm thử ban đầu; sau đó sẽ chỉnh lại theo pattern và serial mà khách hàng đã đăng ký với cục thuế).

II. Phương thức tích hợp

- Giao thức trao đổi thông tin giữa phần mềm và hệ thống HĐĐT: Thông qua cuộc gọi hàm webservice.

III. Mô tả đầu hàm

1. Cập nhật dữ liệu khách hàng

Int **UpdateCus** (string xmlCusData, string username, string pass, int convert)

Mô tả

- **xmlCusData**: String XML dữ liệu khách hàng
- **username/pass**: Tài khoản cung cấp cho nhân viên có quyền để gọi service
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **Trả về**: giá trị Int thông báo kết quả/Lỗi gặp phải

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
-1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
-2	Không import được khách hàng vào db	Có rollback db
-3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chỉ cần 1 customer trong chuỗi xml không hợp lệ, không thực hiện update trên tất cả dữ liệu đưa vào
-5	Có khách hàng đã tồn tại	Có rollback db
N	Số lượng khách hàng đã import và update	N>0, N là kiểu integer

Cấu trúc của xmlCusData (các trường * là bắt buộc):

<Customers>

<Customer>

<Name>**Tên khách hàng***</Name>

<Code>**Mã khách hàng***</Code>

<TaxCode>**Mã số thuế (bắt buộc với khách hàng là doanh nghiệp)**</TaxCode>

<Address>Địa chỉ thanh toán*</Address>

<BankAccountName>**Tên tài khoản ngân hàng**</BankAccountName>

<BankName>**Tên ngân hàng**</BankName>

<BankNumber>**Số tài khoản**</BankNumber>

<Email>**Email***</Email>

<Fax>**Số fax**</Fax>

<Phone>**Điện thoại**</Phone>

<ContactPerson>**Liên hệ**</ContactPerson>

<RepresentPerson>**Người đại diện**</RepresentPerson>

<CusType>**Loại khách hàng (1: Doanh nghiệp/0: Cá nhân)***</CusType>

</Customer>

<Customer>...</Customer>

</Customers>

2. Gán chứng thư cho khách hàng

Int **setCusCert**(string certSerial, string certString, string cusCode, string username, string pass)

Mô tả

- **certSerial**: chuỗi serial của chứng thư cần gán
- **certString**: chuỗi chứng thư cần gán(base64)
- **cusCode**: mã khách hàng
- **username/pass**: Tài khoản cung cấp cho nhân viên có quyền để gọi service
- **Trả về**: giá trị Int thông báo kết quả/Lỗi gặp phải

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
-1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
-2	Chuỗi certString không hợp lệ hoặc không khớp với certSerrial	
-3	Không tồn tại khách hàng tương ứng với cusCode, hoặc khách hàng ko phải là	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
	đơn vị kế toán	
-5	Không update được cert cho khách hàng	
-7	Không tồn tại doanh nghiệp tương ứng với tài khoản	
1	Gán cert thành công	

3. Phát hành hóa đơn

String **ImportAndPublishInv**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string pattern, string serial, int convert).

Mô tả

- **Account/ACPass :** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **pattern**, **serial**: mẫu số và ký hiệu hóa đơn.
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chỉ cần 1 invoice trong chuỗi xml không hợp lệ, không thực hiện phát hành trên tất cả dữ liệu đưa vào
ERR:5	Không phát hành được	DB roll back

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
	hóa đơn	
ERR:6	Không đủ số hóa đơn cho lô phát hành	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:20	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
OK:pattern;serial1-key1_num1,key2_num12,key3_num3… (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E-key1_1,key2_2,key3_3,key4_4,key5_5)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành - Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành - num1, num2… là các số hóa đơn - key1,key2… là khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	- Cách hóa đơn có serial khác nhau phân cách bởi dấu ";" - Các số hóa đơn phân cách bởi ","

Note:

Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện phát hành hóa đơn thành công
Chỉ chấp nhận phát hành lô tối đa 5000 hóa đơn.

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

<Invoices>

<Inv>

<key>Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào</key>

<Invoice>

<CusCode>**Mã khách hàng***</CusCode>

<CusName>**Tên khách hàng***</CusName>

<CusAddress>**Địa chỉ khách hàng***</CusAddress>

<CusPhone>**Điện thoại khách hàng**</CusPhone>

<CusTaxCode>**Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)**</CusTaxCode>

<PaymentMethod>Phương thức thanh toán</PaymentMethod>

<KindOfService>**Tháng hóa đơn**</KindOfService>

<Products>

    <Product>

        <ProdName>**Tên sản phẩm***</ProdName>

        <ProdUnit>**Đơn vị tính**</ProdUnit>

        <ProdQuantity>**Số lượng**</ProdQuantity>

        <ProdPrice>**Đơn giá**</ProdPrice>

        <Amount>**Tổng tiền***</Amount>

    </Product>

</Products>

<Total>**Tổng tiền trước thuế***</Total>

<DiscountAmount>**Tiền giảm trừ**</ DiscountAmount>

<VATRate>**Thuế GTGT***</VATRate>

<VATAmount>**Tiền thuế GTGT***</VATAmount>

<Amount>**Tổng tiền***</Amount>

<AmountInWords>**Số tiền viết bằng chữ***</AmountInWords>

<Extra>**Các nội dung mở rộng**</Extra>

<ArisingDate>**Ngày phát hành hóa đơn**</ArisingDate>

<PaymentStatus>**Trạng thái thanh toán hóa đơn ban đầu(0,1 – chưa thanh toán, đã thanh toán)**</PaymentStatus>

<ResourceCode>**Mã vùng dữ liệu**</ResourceCode>

</Invoice>

</Inv>

<Inv>...</Inv>

</Invoices>

4. Gạch nợ hóa đơn theo Fkey

String **confirmPaymentFkey**(string lstFkey, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **lstFkey:** Chuỗi Fkey xác định hóa đơn cần lấy(các Fkey phân biệt nhau bằng "_")
  VD: 012013_022013_032013
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không gạch nợ được	
ERR:13	Hóa đơn đã được gạch nợ	
"OK"	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được gạch nợ	

5. Thanh toán, Gạch nợ hóa đơn

String **confirmPayment**(string lstInvToken, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **lstInvToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn)
  VD: 01GTKT2/001;AA/13E;10_01GTKT2/001;AA/13E;11
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)

- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không gạch nợ được	
ERR:13	Hóa đơn đã được gạch nợ	
"OK"	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được gạch nợ	

6. Bỏ gạch nợ hóa đơn theo FKey

String **UnconfirmPaymentFkey**(string lstFkey, string userName, string userPass)
Mô tả:

- **lstFkey:** Chuỗi Fkey xác định hóa đơn cần lấy(các Fkey phân biệt nhau bằng "_")
VD: 012013_022013_032013

- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không bỏ gạch nợ được	
ERR:13	Hóa đơn đã được bỏ gạch nợ	
"OK"	Đánh dấu hóa đơn trong list đã bỏ gạch nợ	

7. Điều chỉnh hóa đơn

String **adjustInv** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string fkey, int convert).

Mô tả

- **Account/ACPass :** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey:** Chuỗi key xác định hóa đơn cần điều chỉnh
- **Convert**: Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
OK: pattern;serial;key_invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;key_0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial →	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
	serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh - key: khóa để xác định hóa đơn	

Note:

Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện điều chỉnh hóa đơn thành công

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

<AdjustInv>

<key>**Khóa cho hóa đơn mới**</key >

<CusCode>**Mã khách hàng***</CusCode>

<CusName>**Tên khách hàng***</CusName>

<CusAddress>**Địa chỉ khách hàng***</CusAddress>

<CusPhone>**Điện thoại khách hàng**</CusPhone>

<CusTaxCode>**Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)**</CusTaxCode>

<PaymentMethod>**Phương thức thanh toán**</PaymentMethod>

<KindOfService>**Tháng hóa đơn**</KindOfService>

<Type>**Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin**</Type>

<Products>

<Product>

<ProdName>**Tên sản phẩm***</ProdName>

<ProdUnit>**Đơn vị tính**</ProdUnit>

<ProdQuantity>**Số lượng**</ProdQuantity>

<ProdPrice>**Đơn giá**</ProdPrice>

<Amount>**Tổng tiền***</Amount>

</Product>

</Products>

<Total>**Tổng tiền trước thuế***</Total>

<VATRate>**Thuế GTGT***</VATRate>

<VATAmount>**Tiền thuế GTGT***</VATAmount>

<Amount>**Tổng tiền***</Amount>

<AmountInWords>**Số tiền viết bằng chữ***</AmountInWords>

<Extra>**Các nội dung mở rộng**</Extra>

<ArisingDate>**Ngày phát hành hóa đơn**</ArisingDate>

<PaymentStatus>**Trạng thái thanh toán hóa đơn ban đầu(0,1 – chưa thanh toán, đã thanh toán)**</PaymentStatus>

<ResourceCode>**Mã vùng dữ liệu**</ResourceCode>

</AdjustInv>

8. Thay thế hóa đơn

String **replaceInv** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string fkey, int convert).

Mô tả

- **Account/ACPass :** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi key xác định hóa đơn cần thay thế
- **convert**: Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
	sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	DB roll back
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn ko được thay thế	
OK: pattern;serial;key_invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;key_0000001)	- OK → đã thay thế hóa đơn thành công - Patterm → Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber:số hóa đơn thay thế cho hóa đơn cũ - key: khóa xác định hóa đơn mới	

Note:

Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện thay thế hóa đơn thành công

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

< ReplaceInv>

<key>**Khóa cho hóa đơn mới**</key>

<CusCode>**Mã khách hàng***</CusCode>

<CusName>**Tên khách hàng***</CusName>

<CusAddress>**Địa chỉ khách hàng***</CusAddress>

<CusPhone>**Điện thoại khách hàng**</CusPhone>

<CusTaxCode>**Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)**</CusTaxCode>

<PaymentMethod>**Phương thức thanh toán**</PaymentMethod>

<KindOfService>**Tháng hóa đơn**</KindOfService>

<Products>

    <Product>

        <ProdName>**Tên sản phẩm***</ProdName>

        <ProdUnit>**Đơn vị tính**</ProdUnit>

        <ProdQuantity>**Số lượng**</ProdQuantity>

        <ProdPrice>**Đơn giá**</ProdPrice>

        <Amount>**Tổng tiền***</Amount>

    </Product>

</Products>

<Total>**Tổng tiền trước thuế***</Total>

<VATRate>**Thuế GTGT***</VATRate>

<VATAmount>**Tiền thuế GTGT***</VATAmount>

<Amount>**Tổng tiền***</Amount>

<AmountInWords>**Số tiền viết bằng chữ***</AmountInWords>

<Extra>**Các nội dung mở rộng**</Extra>

<ArisingDate>**Ngày phát hành hóa đơn**</ArisingDate>

<PaymentStatus>**Trạng thái thanh toán hóa đơn ban đầu(0,1 – chưa thanh toán, đã thanh toán)**</PaymentStatus>

<ResourceCode>**Mã vùng dữ liệu**</ResourceCode>

</ ReplaceInv>

9. Lấy hóa đơn theo khách hàng

String **listInvByCus**(string cusCode, string fromDate, string toDate, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **cusCode***: Mã đơn vị cần lấy hóa đơn về
- **fromDate:** ngày bắt đầu tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy (20/05/2013). Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **toDate:** ngày kết thúc tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy. Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **userName/userPass*:** account/password để gọi web services. Do Hệ thống HĐĐT cung cấp.
- **Trả về:** string kết quả cụ thể được mô tả dưới đây

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:3	Không tồn tài khách hàng tương ứng với cusCode	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
OK: chuỗi_xml_trả_về	thông tin các hóa đơn đã phát hành, đã sửa đổi, đã thay thế, đã sử dụng của công ty, cấu trúc dưới dạng chuỗi xml. Mỗi thẻ <**Inv**> tương ứng với một hóa đơn Thẻ <status> chứa trạng thái hóa đơn: 1- hóa đơn đã phát hành, 3 - hóa đơn bị thay thế, 4- hóa đơn bị điều chỉnh	Trả về một string xml

Cấu trúc của chuỗi xml trả về

<Data>
	<Item > //tương ứng với 1 hóa đơn
		<index>Tháng xuất hóa đơn </index>
		<fkey>Fkey để xác định hóa đơn </fkey >
		<name>Tên hóa đơn</name>
		<publishDate>Ngày phát hành hóa đơn</publishDate>
		<signStatus>Trạng thái kí khách hàng</signStatus>
		<pattern>Mẫu hóa đơn<pattern>
		<serial>Serial hóa đơn</serial>
		<invNum>Số hóa đơn</invNum>
		<payment>Trạng thái thanh toán (0/1)</payment>
		<Amount>Tổng tiền của hóa đơn </Amount>
		<status>Trạng thái hóa đơn(1,3,4)</status >

	</Item >

	<Item ></Item >….Hóa đơn khác
</Data>

10. Hàm tìm hóa đơn theo Fkey

String **listInvByCusFkey**(string fkey, string fromDate, string toDate, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **fkey***: Mã xác định hóa đơn
- **fromDate:** ngày bắt đầu tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy (20/05/2013). Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **toDate:** ngày kết thúc tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy. Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **userName/userPass*:** account/password để gọi web services. Do Hệ thống HĐĐT cung cấp.
- **Trả về:** string kết quả cụ thể được mô tả dưới đây

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
OK: chuỗi_xml_trả_về	thông tin các hóa đơn đã phát hành, đã sửa đổi, đã thay thế, đã sử dụng của công ty, cấu trúc dưới dạng chuỗi xml. Mỗi thẻ <**Inv**> tương ứng với một hóa đơn Thẻ <status> chứa trạng thái hóa đơn: 1- hóa đơn đã phát hành, 3 - hóa đơn bị thay thế, 4- hóa đơn bị điều chỉnh	Trả về một string xml

Cấu trúc của chuỗi xml trả về

<Data>
<Item > //tương ứng với 1 hóa đơn
<index>Tháng xuất hóa đơn </index>
<cusCode>Tên hóa đơn</cusCode>
<name>Tên hóa đơn</name>
<publishDate>Ngày phát hành hóa đơn</publishDate>
<signStatus>Trạng thái kí khách hàng</signStatus>
<pattern>Mẫu hóa đơn<pattern>
<serial>Serial hóa đơn</serial>
<invNum>Số hóa đơn</invNum>
<payment>trạng thái thanh toán hóa đơn (0/1)</payment>
<amount>Tổng tiền của hóa đơn </amount>
<status>Trạng thái hóa đơn(1,3,4)</status >

</Item >

<Item ></Item >….Hóa đơn khác
</Data>

11. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn

String **getInvView**(string invToken, string userName, string userPass)
Mô tả:

- **invToken :** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

12. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn theo Fkey

String **getInvViewFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **fkey :** Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

13. Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ

String **convertForVerify**(string invToken, string userName, string userPass)

Mô tả: Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ cho hóa đơn. Mỗi hóa đơn chỉ được chuyển đổi 1 lần duy nhất

- **invToken :** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được chuyển đổi	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn đã chuyển đổi	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

14. Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ theo Fkey

String **convertForVerifyFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

Mô tả: Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ cho hóa đơn. Mỗi hóa đơn chỉ được chuyển đổi 1 lần duy nhất

- **fkey :** Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được chuyển đổi	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn đã chuyển đổi	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

15. Download hóa đơn

String **downloadInv**(string invToken, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **invToken :** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

16. Download hóa đơn theo Fkey

String **downloadInvFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **fkey :** Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

17. Download hóa đơn theo Fkey (Hóa đơn không cần thanh toán)

String **downloadInvFkeyNoPay**(string fkey, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **fkey :** Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú

18. Download hóa đơn định dạng PDF theo Fkey

String **downloadInvPDFFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **fkey :** Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Pdf_trả_về	Trả về chuỗi Pdf tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Pdf

19. Download hóa đơn định dạng PDF theo Fkey (Hóa đơn không cần thanh toán)

String **downloadInvPDFFkeyNoPay**(string fkey, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **fkey :** Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Pdf_trả_về	Trả về chuỗi Pdf tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Pdf

20. Lấy giá trị hash cho việc kí hóa đơn

String **getDigest** (string cusCode, string invToken, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **cusCode:** mã khách hàng
- **invToken :** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:3	Không tồn tại khách hàng tương ứng với cusCode	
ERR:5	Chứng thư không đúng với khách hàng	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
chuỗi xml_trả_về	Trả về chuỗi xml theo cấu trúc	

Cấu trúc của chuỗi xml trả về

<Data>
<text>giá trị base64(hash) của hóa đơn</text>
<xmlData>rỗng</xmlData
</Data>

21. Cập nhật trạng thái kí hóa đơn

String **ConfirmSiganture** (string signValue, string invToken, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **signValue:** giá trị chữ kí
- **invToken :** Chuỗi token xác định hóa đơn
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
chuỗi hml_trả_về	Trả về chuỗi hml của hóa đơn đã kí	

22. Phân phối hóa đơn

String **deliverInv**(string lstInvToken, string userName, string userPass)

Mô tả:

- **lstInvToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn)
  VD: 01GTKT2/001;AA/13E;10_01GTKT2/001;AA/13E;11

- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
"OK"	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được phân phối	

23. Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn

String **reportInvUsed**(int year, int quarter, string username, string pass)

Mô tả:

- **year:** Năm báo cáo
- **quarter:** kì báo cáo
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
Chuỗi xml	Trả về chuỗi xml mô tả báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn	

24. Báo cáo bảng kê hàng hóa hàng tháng

String **reportMonth** (int year, int month, string username, string pass)

Mô tả:

- **year:** Năm báo cáo
- **month:** tháng báo cáo
- **userName/userPass*:** user name/password để gọi webservices (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
Chuỗi xml	Trả về chuỗi xml mô tả báo cáo bảng kê hàng hóa	

25. Hủy hóa đơn (không thay thế, điều chỉnh)

String **cancelInv** (string Account, string ACpass, string fkey, string username, string password).

Mô tả

- **Account/ACPass :** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh hủy hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần hủy
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần hủy	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi, hủy rồi	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn ko được hủy	Tùy thuộc vào yêu cầu nghiệp vụ
OK:	Hủy thành công	